

Chào mừng các bạn

Tân Sinh Viên

Chúc mừng Năm học Mới!

§ TÓM LƯỢC LỊCH SỬ NHA KHOA
VÀ
LỊCH SỬ ĐÀO TẠO NHA KHOA

Răng và Sọ trong nghiên cứu tiến hóa và lịch sử

Răng là cấu trúc calci hóa cao độ,

→ được bảo tồn lâu dài trong lòng đất.

→ Răng cùng với xương hàm và sọ, là những tư liệu quý để nghiên cứu về

cổ nhân học

Palæoanthropology

cổ nha học và

Palæodontology

cổ bệnh lý học.

Palæopathology

Bệnh sâu răng đã được thấy ở những tổ tiên cổ xưa nhất của homo, cả trên các Australopithecines, các vượn nhân hình và động vật có vú khác

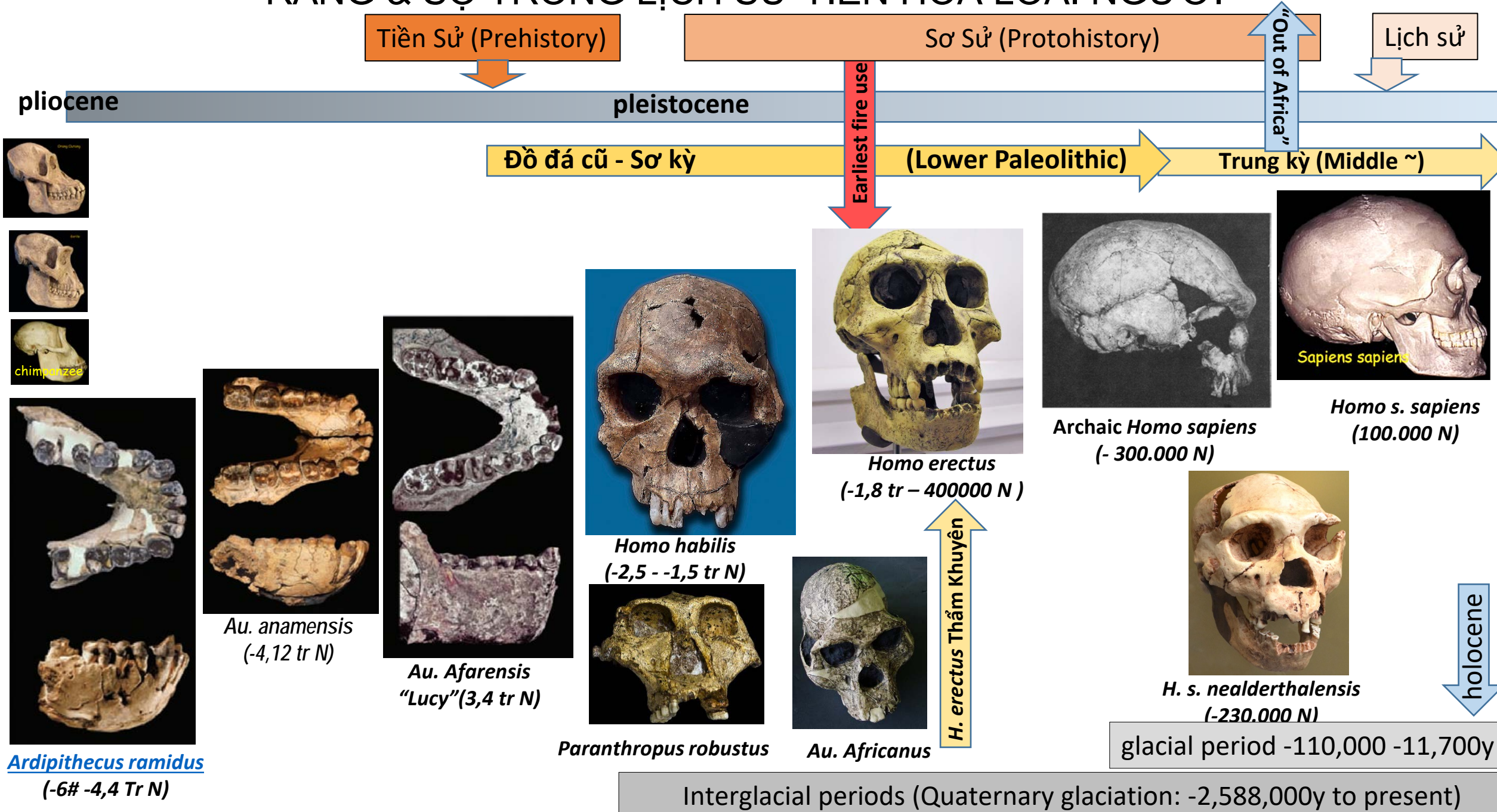
Về mặt hình thái, Răng cùng với Sọ là nơi thể hiện

tập trung nhất,

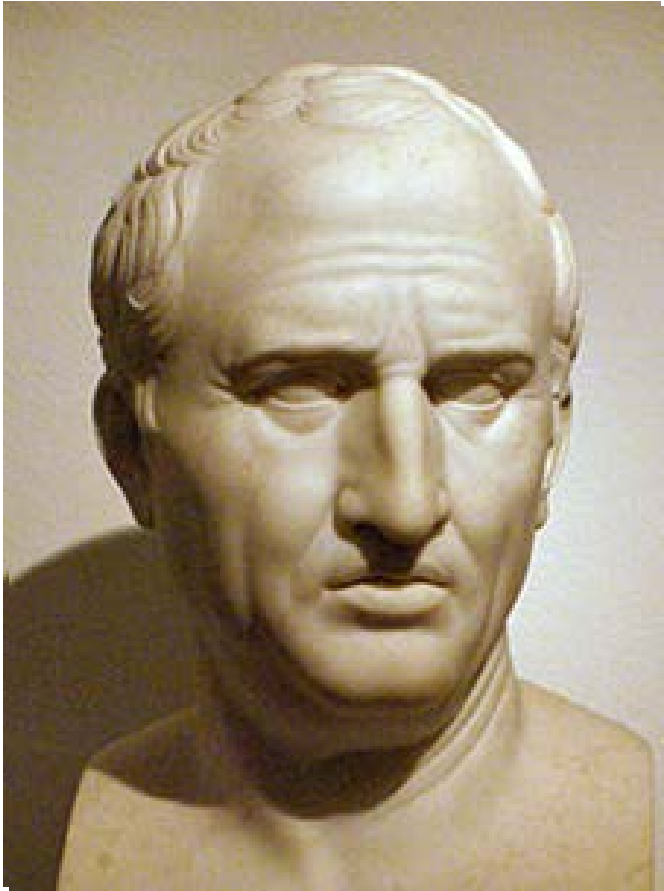
điển hình nhất

của [sự tiến hóa](#)

RĂNG & SỌ TRONG LỊCH SỬ TIẾN HÓA LOÀI NGƯỜI



VÌ SAO CẦN HỌC LỊCH SỬ NHA KHOA?



“Not to know what has been transacted in former times is to continue always as a child.

If no use is made of the labors of past ages, the world must remain in the infancy of knowledge”

“Không hiểu biết những gì đã được giải quyết trong quá khứ thì chúng ta luôn tiếp tục như một đứa trẻ, và Nếu không dùng những gì đã được các thế hệ trước tạo ra thì thế giới sẽ phải tồn tại trong sự hiểu biết của một nhũ nhi”.

Marcus Tullius Cicero (3/1/106 T.C. – 7/12/43 T.C.) triết gia, nhà hùng biện, nhà ngôn ngữ học, nhà dịch thuật, chính khách, nhà lý luận chính trị. Ông được xem là một trong những nhà hùng biện vĩ đại nhất La Mã.

VÌ SAO CẦN HỌC LỊCH SỬ NHA KHOA?

*“The longer you can look back,
the farther you can look forward”*

Winston Churchill, 1944

*“Bạn càng nhìn được sâu về quá khứ,
thì bạn càng nhìn được xa đến tương lai”*



Winston Churchill (1874 – 1965)

LỊCH SỬ NHA KHOA

CỔ ĐẠI
(ancient history)

- AI CẬP (EGYPT)
- LƯỠNG HÀ (MESOPOTAMIA)
- ETRUSCA
- HY LẠP (GREECE)
- LA MÃ (ROMA)

CỔ-TRUNG ĐẠI
(ancient & post-classical history)

- TRUNG QUỐC
- ẤN ĐỘ (INDIA)
- NHẬT BẢN
- CHÂU MỸ TIỀN COLUMBUS
- VIỆT NAM và đông nam Á

TRUNG ĐẠI
(middle ages/medieval period)

- THẾ GIỚI HỒI GIÁO (WORLD OF ISLAM)
- CHÂU ÂU

- THỜI KỲ PHỤC HƯNG (renaissance)
- THẾ KỶ 17 - 18

-5000
CỔ ĐẠI

Y 500
TRUNG ĐẠI

TK 15 – 16
PHỤC HƯNG

TK 17 – 18
CẬN ĐẠI

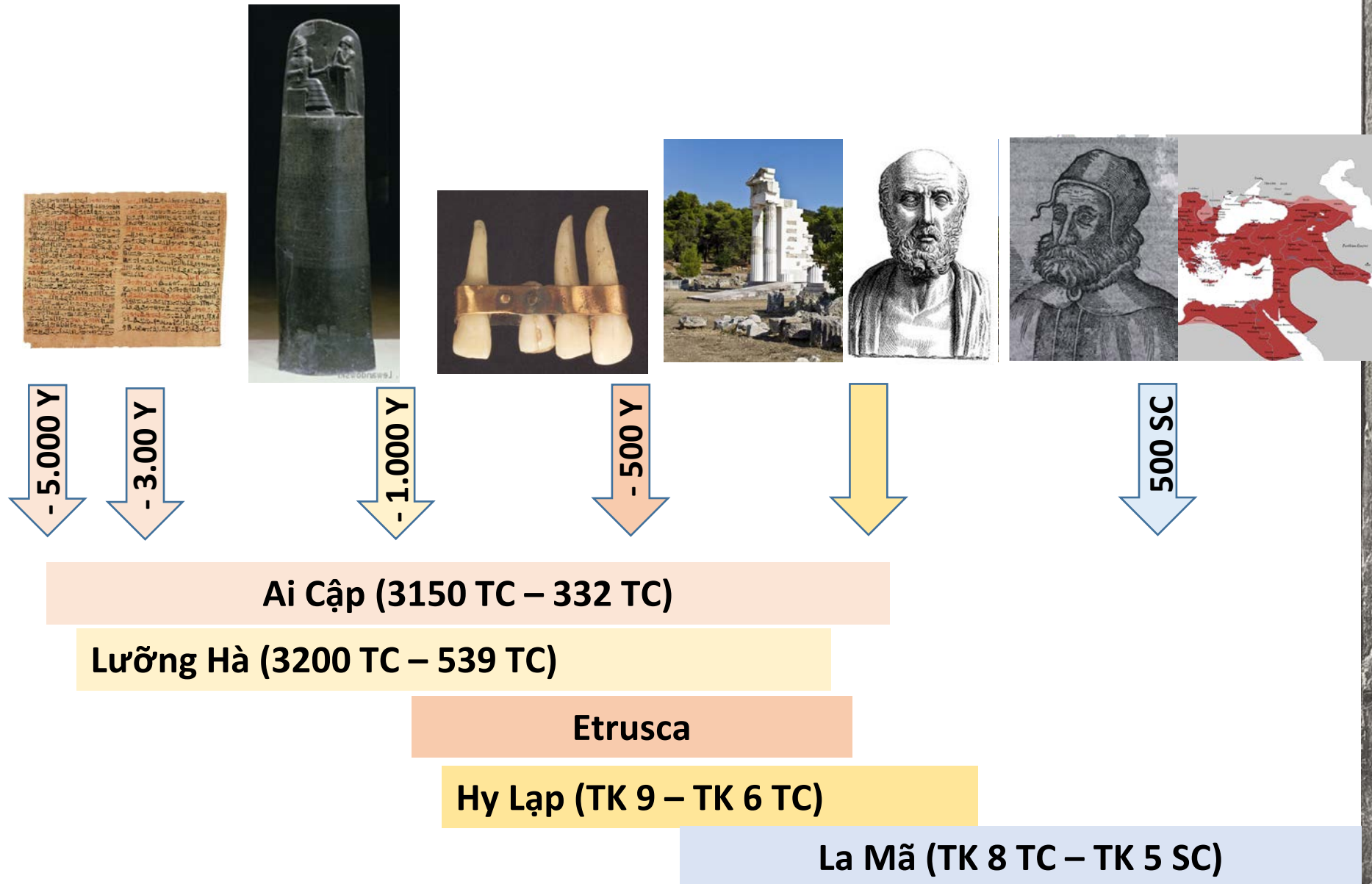
TK 19

Thời đại đồng -1000

Thời đại sắt

TK Ánh sáng

LỊCH SỬ NHA KHOA CỔ ĐẠI



AI CẬP CỔ ĐẠI (3150 TC – 332 TC)

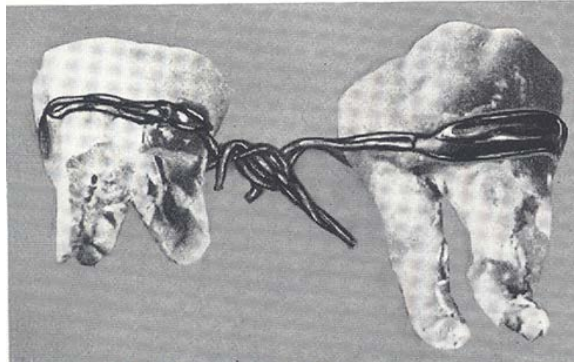
Quan niệm về **bệnh tật**: là trạng thái cơ thể bị **ma quỷ** **khống chế** theo những cách khác nhau:

- Hiện diện trong cơ thể,
- Phóng chất độc / khí độc / diêm xấu bao trùm hoặc đi vào người bệnh nhân

Y khoa tích hợp với phép thuật, niềm tin tôn giáo,
Điều trị bằng bùa phép, mê dụ, một số loại thuốc.
Do tầng lớp thầy tu kiêm bác sĩ (pastophori) thực hành



Không có bằng chứng về chữa răng
Có một số phục hình và nẹp bằng chỉ vàng (?)



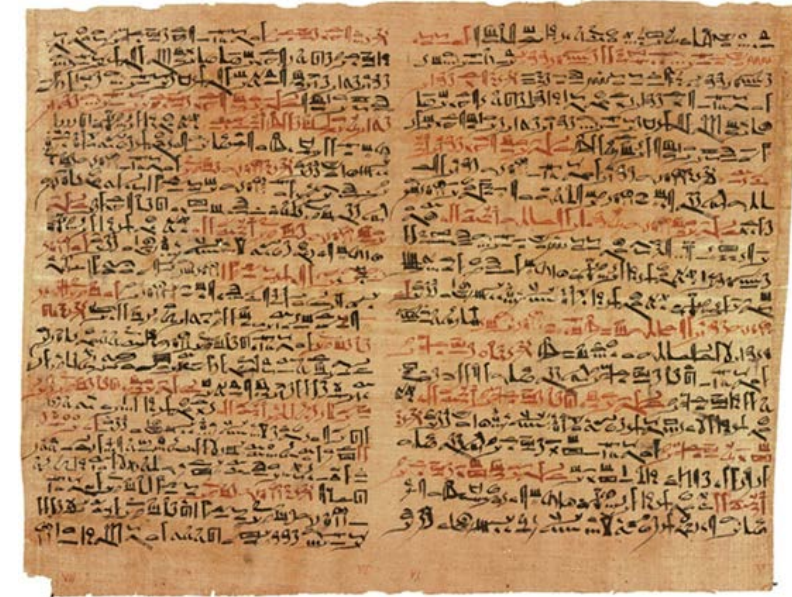
Hesyre (**Hesy-Ra**), 2660 TC, Nha sĩ trưởng đồng thời là Bác sĩ trưởng và nhiều tước vị khác. Phù điêu gỗ, phát hiện ở Saqqara - Quibell (1913). Nguồn: W. Hoffmann-Axthelm



Edwin Smith papyrus (khoảng 3000 – 2500 năm TC)
Học giả nổi tiếng thời Ai Cập cổ đại **Imhotep** có thể là tác giả



Tác phẩm y học xuất sắc nhất thời Ai Cập cổ đại,
Không mang ý tưởng ma thuật.
Là cuốn **sách giáo khoa y học hiện đại đầu tiên**:
48 bệnh lý ngoại khoa (trong đó có gãy xương hàm)
theo trình tự đầu, mặt, cổ, tay, ngực, vai, cột sống.



LƯỠNG HÀ (Mesopotamia) (3200 TC - 539 TC)

Ở Tây Á, một phần Iraq, Kuwait, Saudi Arabia, Syria, thổ Nhĩ Kỳ hiện nay, giữa **Tigris** và **Euphrates**

Bộ luật Hammurabi, là một trong những **bộ luật cổ nhất**, trong đó có nhiều điều luật về hành nghề y, nha khoa.

Luật qui định **chi phí điều trị** khi phẫu thuật thành công và **phạt nếu không thành công**, phụ thuộc vào vị trí xã hội của bệnh nhân. Luật cũng đặt rằng ở vị trí có giá trị cao vào thời đó

- Điều 200: Nếu một người làm gãy răng của một người cùng đẳng cấp, răng người đó sẽ bị lấy bỏ.

- Điều 201: Nếu một người làm gãy răng của một người ở đẳng cấp thấp hơn, người đó sẽ bị phạt 1/3 mine bạc (~168 g).



Đầu thế kỷ 2 TC, **quan niệm con sâu răng** là sáng tạo điển hình của nha khoa Lưỡng Hà, đã nêu **bằng chứng sinh vật (?)** của nguyên nhân gây đau răng/ sâu răng
→ xuất hiện các **phương pháp điều trị nha khoa cổ xưa nhất** và là đóng góp có ý nghĩa nhất của văn minh Lưỡng Hà đối với nha khoa.

_ Nếu một người bị lung lay và đau răng, trộn hỗn hợp gồm [nhựa thơm, a ngùy, cần, nhựa thông], chà vào răng đau cho đến khi máu chảy ra thì sẽ khỏi.

_ Nếu một người có răng bị đổi màu, trộn [muối, hòa thảo, cần, nhựa thông], chà lên răng bằng ngón tay.



ETRUSCA (thiên niên kỷ thứ nhất trước công nguyên)

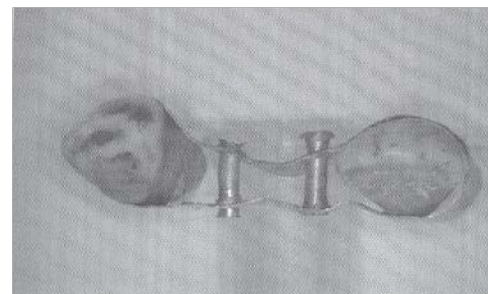
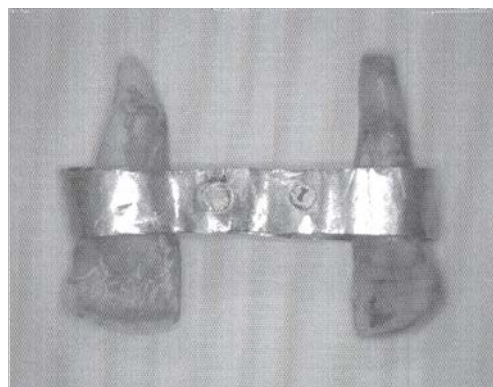
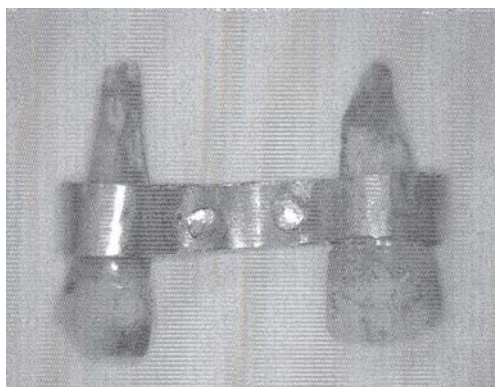
Etrusca kiểm soát vùng trung nước Ý ngày nay

Người Etrusca áp dụng công nghệ hiện đại nhất của thời đó để cố gắng **thay thế răng mất** và **cố định răng lung lay**.

Những người thực hiện là **thợ vàng**

Những người sở hữu răng giả là **phụ nữ thuộc tầng lớp trên**, để thay cho răng thật của họ

Vê Nha khoa, nổi bật là những “phục hình kiểu Etrusca”, “phục hình/nẹp nha khoa bằng dải vàng”.



HY LẠP CỔ ĐẠI (từ TK 9 TC – 6 SC)

Trong giai đoạn cổ nhất, y khoa Hy Lạp dựa trên **nền tảng mê tín, tôn giáo** và được điều hành bởi các thầy tu trong các đền y tế (spa).

Trong quá trình phát triển, những phương cách **điều trị có lý lẽ** dần thay thế mê tín dị đoan

Hiểu biết và thực hành được **truyền từ đời cha sang đời con** trong nhiều thế hệ.

Nhiều **bác học** và **học thuyết** xuất hiện, có tầm ảnh hưởng lâu dài đối với khoa học và y học



EMPEDOCLES (490 – 430 TC)

Thuyết bốn nguyên tố (four elements theory):

lửa (fire), khí (air), nước (water) và đất (earth)

Thuyết thể dịch (humors theory) về sức khỏe và bệnh tật:

máu, đờm, mật đen, mật vàng, (bệnh tật là do mất cân bằng các nguyên tố). Nhiệm vụ của bác sĩ là đưa trở lại trạng thái cân bằng.

Thuyết bốn nguyên tố là tín điều chuẩn trong suốt 2.000 năm.

Sáng lập **trường Y Hy Lạp** (Greek medical school) ở Sicily TK 5 TC.

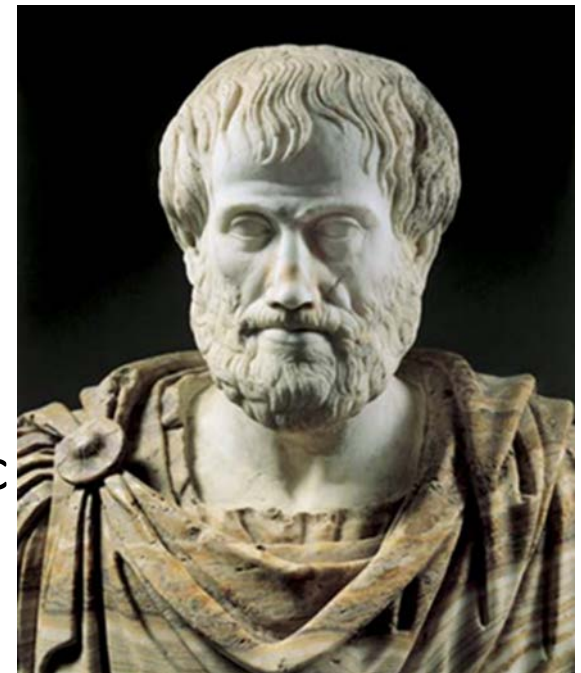


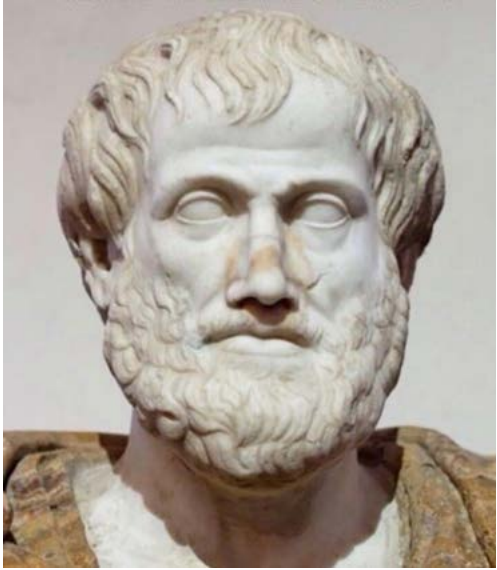
ARISTOTLE (384 – 322 TC) nhà triết học và logic học

cùng với Plato, được coi là **Người Cha của triết học Phương Tây**, **nhà giải phẫu đầu tiên** và có ảnh hưởng đối với hầu hết các lĩnh vực tri thức.

đưa ra và phát triển khái niệm “**cơ quan**” (organ/organon) trong cơ thể, khẳng định vai trò của quan sát qua **phẫu tích** các cấu trúc là chìa khóa cho hiểu biết về chức năng.

Mô tả dùng kim nhổ răng





HEROPHILUS (325-255 TC)

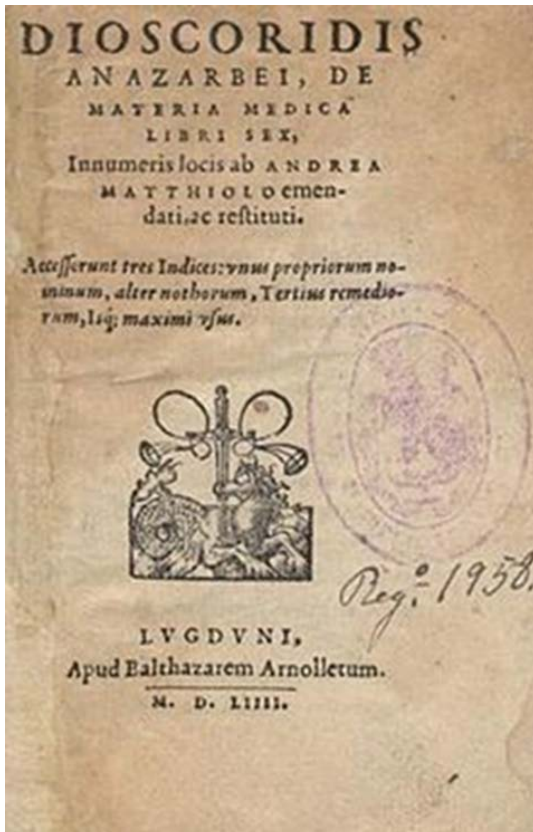
Học y ở trường Y khoa Hy Lạp ở đảo Cos,
Dạy ở trường Y Alexandria (thành lập năm 330 TC, hoạt động đến năm 389 SC và bị hủy hoại cùng với thư viện Alexandria - một trong bảy kỳ quan của thời cổ đại) được coi là **Người Cha của giải phẫu học**.

- Ở trường Y Alexandria, Herophilus cùng với cộng sự là hai nhà giải phẫu duy nhất thực hiện **phẫu tích xác người** (human cadaveric dissections)*.

DIOSCORIDES (40 – 90 SC)

là bác sĩ, nhà dược lý học và thực vật học **De Materia Medica** gồm 5 tập là bách khoa thư về thảo dược và các chất làm thuốc (**dược thư** - Pharmacopeia) được dịch sang **tiếng Latin năm 600** và được **sử dụng rộng rãi trong hơn 1.500 năm**.

Việc phẫu tích xác chỉ được kéo dài trong 30 – 40 năm, sau đó bị cấm và chỉ được thực hiện trở lại sau 1800 năm, vào thời kỳ Phục Hưng, khoảng năm 1530



HIPPOCRATE (460 - 370 TC)

Lãnh đạo trường Y khoa Hy Lạp (rational school of Greek medicine) ở Cos, được coi là **Người Cha của y khoa**.

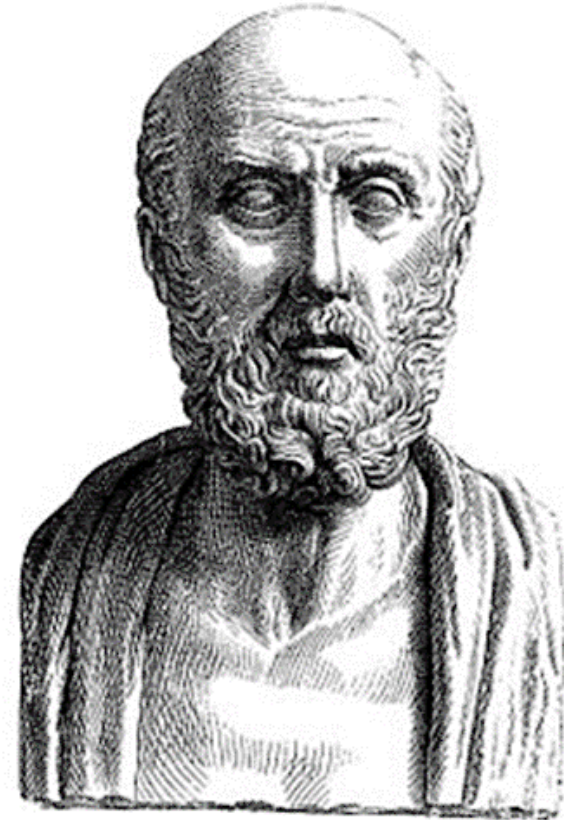
Sức khỏe là khi bốn chất dịch và nguyên tố ở trạng thái cân bằng, bệnh tật xuất hiện khi sự cân bằng bị rối loạn. Sau này, cộng sự và các học trò của Hippocrates ghi chép các bài giảng thành “**tổng tập Hippocrates**” (corpus Hippocratus”).

Theo Hippocrates, **nhổ răng còn chắc và ngầm cực kỳ nguy hiểm**, do đó chỉ nên nhổ răng lung lay và sử dụng kìm bằng chì để tránh làm gãy chân răng. **Chỉ nhổ răng khi điều trị không hiệu quả**
Răng bị sâu là do **tích tụ đờm**, điều trị gồm **chích rạch máu, làm sạch và đắp nhiều loại thuốc thảo mộc**.

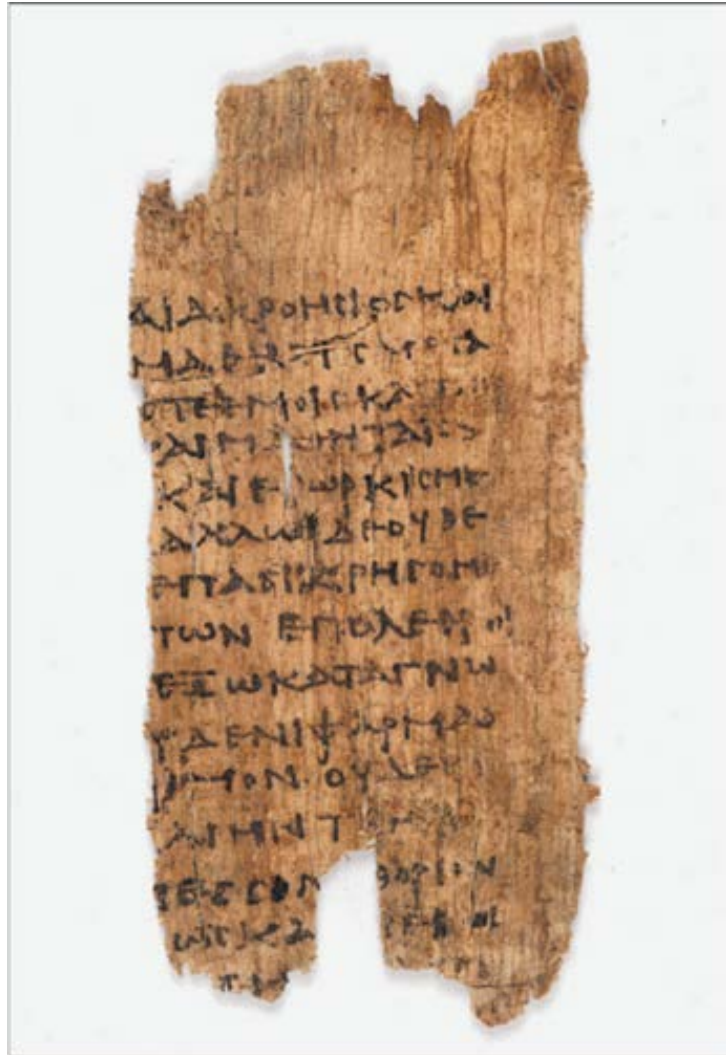
Hippocrates nhấn mạnh khía cạnh **đạo đức** và trách nhiệm xã hội của bác sĩ.

Lời thề Hippocrates (Hippocratic Oath) có thể tóm tắt trong châm ngôn

“cứu giúp người bệnh và không làm điều có hại” (“help the patient and do no harm”)



Lời thề Hippocrates



Fragment of the Hippocratic Oath on Papyrus from the Third Century.
Courtesy of Wellcome Library, London.

The Hippocratic Oath

I swear by Apollo Physician and Asclepius and Hygieia and Panacea and all the gods and goddesses, making them my witnesses, that I will fulfill according to my ability and judgment this oath and this covenant:

To hold him who has taught me this art as equal to my parents and to live my life in partnership with him, and if he is in need of money to give him a share of mine, and to regard his offspring as equal to my brothers in male lineage and to teach them this art — if they desire to learn it — without fee and covenant; to give a share of precepts and oral instruction and all the other learning to my sons and to the sons of him who has instructed me and to pupils who have signed the covenant and have taken an oath according to the medical law, but to no one else.

I will apply dietetic measures for the benefit of the sick according to my ability and judgment; I will keep them from harm and injustice.

I will neither give a deadly drug to anybody if asked for it, nor will I make a suggestion to this effect. Similarly I will not

give to a woman an abortive remedy. In purity and holiness I will guard my life and my art.

I will not use the knife, not even on sufferers from stone, but will withdraw in favor of such men as are engaged in this work.

Whatever houses I may visit, I will come for the benefit of the sick, remaining free of all intentional injustice, of all mischief and in particular of sexual relations with both female and male persons, be they free or slaves.

What I may see or hear in the course of the treatment or even outside of the treatment in regard to the life of men, which on no account one must spread abroad, I will keep to myself holding such things shameful to be spoken about.

If I fulfill this oath and do not violate it, may it be granted to me to enjoy life and art, being honored with fame among all men for all time to come; if I transgress it and swear falsely, may the opposite of all this be my lot.

Translated from the Greek by Edelstein.¹

Hippocrates nhấn mạnh khía cạnh **đạo đức** và trách nhiệm xã hội của bác sĩ.

Lời thề Hippocrates (Hippocratic Oath) có thể tóm tắt trong châm ngôn

“cứu giúp người bệnh và không làm điều có hại” (“help the patient and do no harm”)

“tôi sẽ **không dùng đến con dao mổ**, ngay cả khi chứng kiến (người bệnh) phải chịu đựng sự đau đớn do sỏi, mà rút lui để dành việc đó cho kỹ thuật viên” (hoặc “cho người được thuê làm việc này”).

Phẫu thuật và nha khoa (thao tác thực hành) bị tách rời với **thao tác trí tuệ** của **bác sĩ y khoa** (chẩn đoán, tiên lượng, kê đơn điều trị).

Trong những thế kỷ tiếp sau,

→ sự chia tách giữa **phẫu thuật & nha khoa** với **y khoa**

bác sĩ y khoa ở vị trí cao hơn do ưu thế về kiến thức tiếng Latin và nền giáo dục đại học.

LA MÃ CỔ ĐẠI (từ TK 8 TC – TK 5 SC)

La Mã tiếp thu nhiều di sản vật thể và văn hóa:
Hy Lạp, Ai Cập ...

Thành phố **Alexandria** của Ai Cập, trở thành trung tâm học tập. Toàn bộ hiểu biết y học của Hy Lạp đã được chuyển ngữ sang **tiếng A Rập** (Arabic) trước khi được dịch ra **tiếng Latin** trong thời trung cổ sớm

Y khoa thời Đế chế La Mã ít triết lý, **nhiều thực hành**, đáp ứng chăm sóc sức khỏe cho số lượng lớn binh sĩ



Vê tổ chức y tế:

- Thành lập **bệnh viện** cho người dân, quân đội và nô lệ.
- Trong các đơn vị quân đội, có bác sĩ **chuyên khoa bán thời gian** gồm **bác sĩ ngoại khoa** (medici chirurgi) và **nội khoa** (medici clinici) chăm sóc vết thương và điều trị bệnh, **phẫu thuật viên thú y** (veterinary surgeons) chăm sóc cho ngựa.

GALEN (129 – 217 SC),

là bác sĩ, phẫu thuật viên, nhà triết học,

Trong y học, danh tiếng của ông **đứng thứ hai sau Hippocrates.**

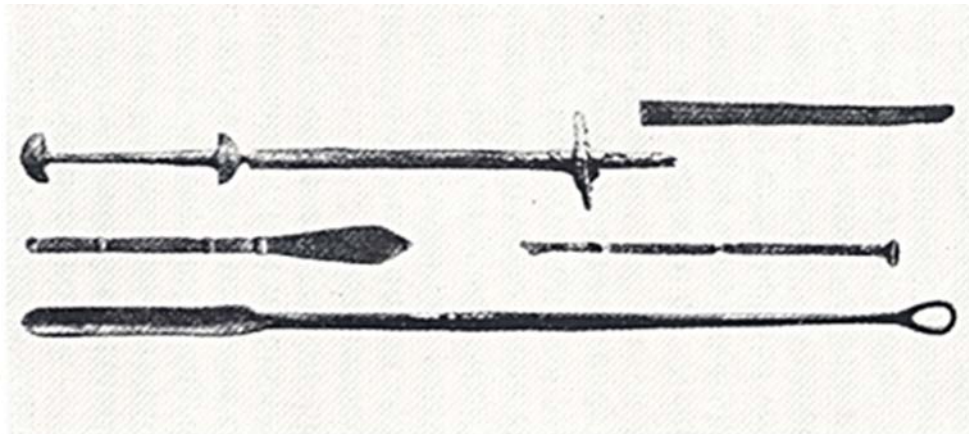
Học y khoa Hy Lạp ở Pergamum, Corinth và Alexandria.

Sách của Galen **vượt ra ngoài thời đại của ông, tiếp tục chi phối chương trình đào tạo và thực hành cho tới thế kỷ 16 và là cơ sở cho thực hành y khoa trong thời kỳ Phục Hưng.**

Galen mô tả răng như một phần của xương , và là một trong những người đầu tiên định danh các răng theo chức năng

Galen chủ trương hạn chế nhổ răng,

là người đầu tiên đề nghị dùng **mũi khoan** để làm dịu đau



CELSUS (25 TC – 50 SC)

bác sĩ và nhà bách khoa thư y học. Học y của Hippocrates ở Hy Lạp và trường y Alexandria.

Bộ sách tám tập *De Re Medicina* tổng hợp hầu hết hiểu biết về y khoa và nha khoa, **được dùng đến thời trung cổ.**



“đau răng là một trong những điều tệ hại nhất mà con người phải chịu đựng”

Dùng **thuốc đắp**, tẩy rửa và **xông hơi** để làm dịu đau.

Điều trị bệnh nha chu và sâu răng bằng **đốt nhiệt** với mũi sắt nóng hoặc bằng **dầu sôi**, được áp dụng ở Châu Âu đến TK 18

TÓM TẮT

Lịch sử cổ đại kéo dài khoảng 5000 năm

Nhận thức về thể giới có sự thay đổi:

Từ sáng tạo của thần linh → quan niệm duy vật (thuyết 4 nguyên tố)

Quan niệm về sức khỏe/bệnh tật:

Chuyển từ **trạng thái bị ma quỷ ám** → Các **yếu tố bệnh nguyên** (thuyết thể dịch)
Các **nguyên nhân sinh vật** (con sâu răng)

Điều trị: Chuyển từ phương cách mê tín, bùa phép - tôn giáo

→ điều trị theo chẩn đoán (xông khói sâu răng),

Nhỏ răng có từ thời Hy Lạp cổ đại và luôn được coi là nguy hiểm

Phẫu thuật và Nha khoa phát triển trong lòng Y khoa chung

Mô hình **đền y tế/spa** thời Hy Lạp cổ đại → Sự chú ý đến **y tế công cộng**
Bệnh viện (La Mã cổ đại)

Vấn đề y đức

Sự **Chia tách giữa Y khoa** (thao tác trí tuệ/tư duy) và **Nha khoa** (thao tác thực hành)

LỊCH SỬ NHA KHOA

CỔ ĐẠI
(ancient history)

- AI CẬP (EGYPT)
- LƯỠNG HÀ (MESOPOTAMIA)
- ETRUSCA
- HY LẠP (GREECE)
- LA MÃ (ROMA)

CỔ-TRUNG ĐẠI
(ancient & post-classical history)

- TRUNG QUỐC
- ẤN ĐỘ (INDIA)
- NHẬT BẢN
- CHÂU MỸ TIỀN COLUMBUS
- VIỆT NAM và đông nam Á

TRUNG ĐẠI
(middle ages/medieval period)

- THẾ GIỚI HỒI GIÁO (WORLD OF ISLAM)
- CHÂU ÂU

- THỜI KỲ PHỤC HƯNG (renaissance)
- THẾ KỶ 17 - 18

-5000
CỔ ĐẠI

Y 500
TRUNG ĐẠI

TK 15 – 16
PHỤC HƯNG

TK 17 – 18
CẬN ĐẠI

TK 19

Thời đại đồng -1000

Thời đại sắt

TK Ánh sáng

Y-NHA KHOA CỔ-TRUNG ĐẠI TRUNG QUỐC

Văn minh Trung Quốc khởi nguyên từ thung lũng sông Hoàng Hà, trở thành một trung tâm văn minh cổ đại.

Các học thuyết y học cổ Trung Quốc hình thành trên cơ sở triết học Phương Đông, gồm:

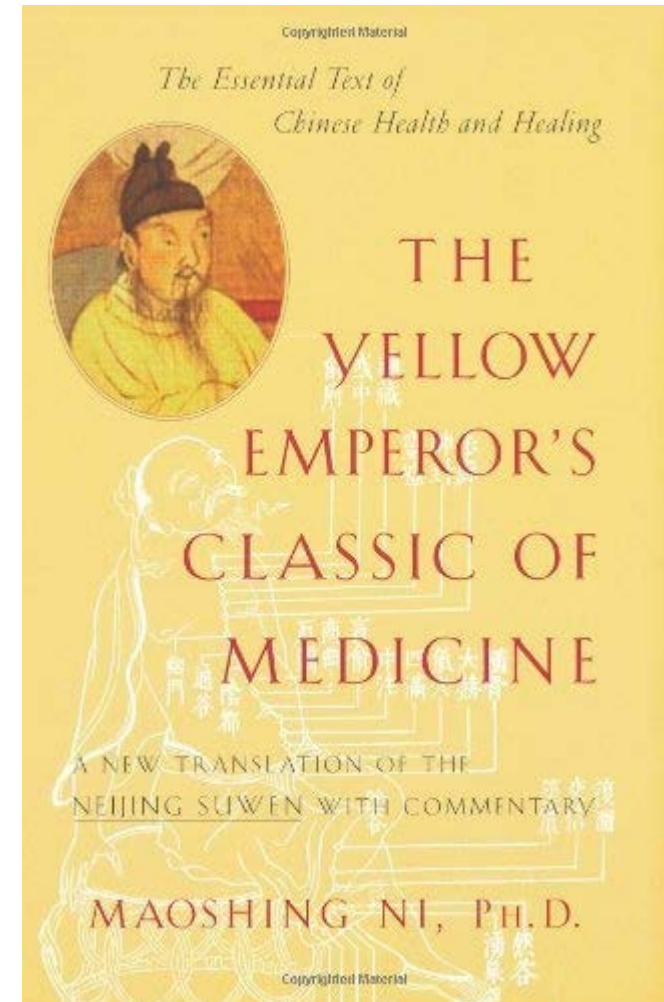
1. Học thuyết âm dương
2. Học thuyết ngũ hành (kim, mộc, thủy, hỏa, thổ), ngũ hành có ý nghĩa về sự vận động, chuyển hóa các chất trong thiên nhiên và tạng phủ, trạng thái tinh thần của con người
3. Học thuyết thiên nhân hợp nhất (có lẽ tương ứng với thuyết bốn nguyên tố (lửa, khí, nước và đất) trong Hy Lạp cổ đại (?))



Bộ sách y học đầu tiên và vĩ đại nhất trong lịch sử y học Trung Quốc là cuốn “Hoàng Đế nội kinh” của Hoàng Đế (Huang Di Nei Jing (Yellow Emperor’s Inner Canon) (trị vì từ năm 2696 – 2598 TC), được biên soạn trong thời Chiến Quốc (475 – 221 TC).

Hoàng Đế có lẽ là người Trung Quốc đầu tiên nghiên cứu về nha khoa. Ông chia bệnh của răng thành ba loại*:
“Phong Nha” (Fong Ya): các tình trạng viêm nhiễm
“Nha Can” (Ya Kan): các bệnh của mô mềm
và “Trùng Nha” (Chong Ya): sâu răng

*H. Axthelm, 1980



y học cổ truyền Trung Quốc cũng có sự hòa trộn các quan niệm thần bí.

Học thuyết tạng phủ và **học thuyết kinh lạc** là cơ sở lý luận của y học cổ Trung Quốc. Mặc dù dựa trên những lý thuyết không phản ánh đúng giải phẫu và sinh lý trong y học Phương Tây, kết quả điều trị thường vẫn đạt được thành công



Hoa Đà (Hua Tou) (TC 145 - TC 208) là một nhà phẫu thuật bậc thầy, một mẫu mực cho các bác sĩ và phẫu thuật viên trong thời đại của ông cũng như ngày nay

Ông là Người Cha của phẫu thuật thần kinh và là người gây mê để mổ đầu tiên trên thế giới

Người Trung Quốc cũng đã dùng bàn chải răng và súc miệng bằng nước muối từ thời nhà Đường và phát minh amalgam để trám răng.

Người hành nghề nha (cho đến đầu thế kỷ 20 gồm:

Thợ lấy sâu (worm remover)

Thợ nhổ răng (tooth remover)

Thợ làm sạch răng (tooth cleaner),

Sách “Châm cứu học Trung Quốc” nêu các chỉ định cho “đau răng” như sau:

Điều trị: chọn huyết thuộc kinh Vị, Đại trường và Thận

Chỉ định huyết: Hợp cốc, Nội đình, Hạ quan, Giáp xa, Thận du, Thái Khê



Y-NHA KHOA CỔ-TRUNG ĐẠI ẤN ĐỘ

Nền **văn minh sông Ấn** (Indus = sông Ấn) từ thiên niên kỷ III – II TC, nhưng không để lại văn tự. Khoảng năm 2300 TC: có những hệ thống vệ sinh ở các thành phố tập trung đông dân cư. So sánh đồng đại (synchronic) cho thấy nền văn minh Sông Ấn phát triển **sánh ngang với Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại**.

Người Aryan (có màu da sáng), ~1500 TC thiết lập **hệ thống đẳng cấp: Đẳng cấp Thầy tu** (Brahmins) định hướng đời sống tinh thần. tách họ khỏi cộng đồng cư dân còn lại.

Veda (Veda = knowledge - hiểu biết) là bộ kinh sách (bằng chữ Sanskrit đầu tiên) của **Bà La Môn giáo** (Brahmanism), có nhiều toa thuốc thảo dược kết hợp phép thuật thần bí; qui tắc về vệ sinh, bao gồm chăm sóc khoang miệng.

Giai đoạn **nghệ thuật chữa lành bệnh Veda** (Vedic period of healing art) là y khoa thầy tu (priestly medicine) thuần túy kéo dài đến khoảng năm 600 TC.

Nửa cuối thế kỷ 6 TC, xuất hiện Gautama Buddha (**Đức Phật**) và **Phật giáo** (Buddhism), [năm 544 TC là năm Phật lịch thứ nhất].

Đến thế kỷ 7, Phật giáo suy yếu, hình thành **Ấn độ giáo** (Hinduism) trên cơ sở Bà La Môn giáo.

Những bài viết y khoa cổ nhất của Ấn độ gọi là Bower viết trên vỏ cây bu lô (birch bark) năm 400 TC, có 6 toa thuốc cho răng và miệng



Nền y khoa ma thuật-tôn giáo (magico-religious medicine) được thực hành song song với **y khoa cổ truyền có lý luận Ayurveda** (empirico rational tradition of Ayurveda) (Ayurveda = life knowledge - tri thức cuộc sống).

Hệ thống lý luận này coi y khoa Vedic như khởi nguồn của y khoa Bà La Môn. Sự tích hợp y khoa của thời kỳ Vedic sớm vào các luận thuyết Ayurveda cổ điển giúp làm căn cứ cho nền y khoa mới bằng cách thiết lập một con đường liên thông với thuật chữa lành bệnh cổ truyền linh thiêng của Hindu Veda (thiên liêng, thần thánh). Như vậy, **sự phát triển của y khoa Ấn Độ là một mô hình dịch chuyển từ hệ thống ma thuật tôn giáo (magicoreligious system) sang hệ thống nhận thức luận (epistemology) có lý lẽ và dựa trên kinh nghiệm thực tế**, trong sự dịch chuyển này, có vai trò quan trọng của truyền thống khổ hạnh (ascetic traditions) . Trong sáu thế kỷ đầu công nguyên, một tầng lớp thầy thuốc thực sự đã phát triển trong đẳng cấp tu sĩ Bà La Môn.

Các **trường y khoa** Ấn Độ cổ nhất là **Atreya** và **Sushruta** ra đời khoảng **thế kỷ 6 TC**. (có trước trường y khoa Hy Lạp (năm 400 TC). Việc thực hành phẫu tích trên người đã được thực hiện ở Ấn Độ (và cũng có bằng chứng gián tiếp ở trường y Hy Lạp)

Việc đào tạo được tiến hành theo một cấu trúc chặt chẽ. Sinh viên phải là người trẻ, ở tầng lớp trên, thành đạt và có phẩm cách cao.

Các thầy lựa chọn sinh viên và đón tiếp họ trong một **buổi lễ có nghi thức đặc biệt** với lời hứa trịnh trọng về sự phục tùng và sự sẵn sàng phục vụ cho tất cả những người mưu cầu sức khỏe trừ thọt sấn, những kẻ tội phạm, phụ nữ không có người đi cùng và những người bệnh nặng giai đoạn cuối.

Charaka-Samhita (Compendium of Charaka – Tài liệu Tổng hợp của Charaka), bằng chữ Sanskrit, cùng với **Sushruta-Samhita**, tạo thành **Ayurveda** (Indian traditional medicine - Y học cổ truyền Ấn Độ) còn được lưu truyền đến ngày nay.

Charaka

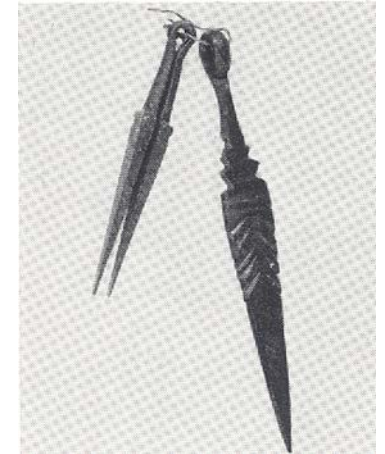
Charaka (Caraca) (khoảng thế kỷ 6 – 2 TC) là một trong những tác giả chính của Ayurveda (hệ thống y khoa và lối sống được phát triển ở Ấn Độ Cổ Đại). Ông được coi là Người Cha của y khoa Ấn Độ



Theo Charaka, nguyên nhân bệnh tật là do:

- 1- **Đầu óc báng bổ (yếu tố tâm lý)** gồm các hành vi trái luân lý, chống lại xã hội do sự trì trệ trí óc
- 2- Tác động của **thời gian và mùa (yếu tố tự nhiên)**
- 3- Các **yếu tố độc hại (yếu tố thể chất)**

Quan niệm về các **yếu tố tâm thể** (psychosomatic factors) bao gồm cả yếu tố tự nhiên đối với nguyên nhân gây bệnh là **điểm độc đáo của Ayurveda**. Charaka mô tả 20 loại bệnh có nguyên nhân từ vi khuẩn, một số là từ bên ngoài, một số từ bên trong. Phương pháp điều trị rất đa dạng: thuốc uống, nhỏ mắt, súc họng, xông khói, hít đường mũi, thuốc mỡ bôi mắt, kem bôi, dung dịch dùng ngoài da, tắm...



Sushruta

Sushruta (khoảng 1000 - 800 TC), là bác sĩ nổi tiếng trong Thời đại Vàng của y khoa cổ đại Ấn Độ . Lĩnh vực hoạt động **phẫu thuật** của ông rất rộng: đục nhân mắt, sỏi bàng quang, phẫu thuật ổ bụng...ông được coi là **người cha của phẫu thuật**, đặc biệt là phẫu thuật tạo hình (plastic surgery).

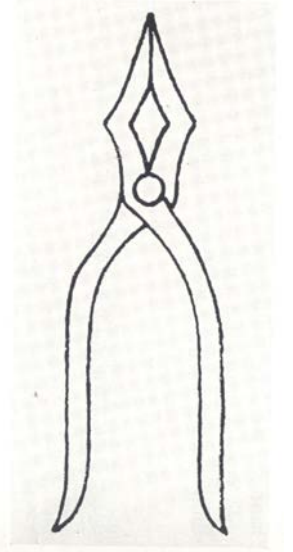
Qui trình **mổ tạo hình mũi của Sushruta** (được gọi là “phương pháp ấn Độ” – Indian method) trong đó, dùng một vạt da và mô dưới da từ trán để phủ và tạo hình mũi. Phẫu thuật này được dùng trước hết để tạo lại mũi cho những người bị hình phạt cắt mũi và tai. Phương pháp tạo hình bằng vạt da của ông **còn được áp dụng đến ngày nay**.



Bệnh sâu răng được mô tả: nếu tủy xương bị khô do dịch thấm qua chiếm ưu thế so với hơi thở, nó sẽ vào răng và chân răng; răng sẽ hình thành lỗ và bị lấp đầy bởi thức ăn và các chất cặn bã.

Những con sâu nhỏ lớn lên trong lỗ sâu và gây đau nhức hoặc sẽ bớt đau dần mà không có lý do. Nếu răng trở nên đen gây khó chịu, gọi là mất chất (praluna = cut off), nếu có máu và mủ được gọi là krimidankata (con sâu của răng)

Điều trị bằng xông (sweating), rạch, bôi thuốc mỡ, thuốc súc miệng (gargling), xịt hơi thuốc (sneezing), dùng các thức ăn điều hòa hơi thở. Ngoài ra, Vagbhata còn dùng các biện pháp tại chỗ: trám lại bằng mật hoặc sáp, sau đó đốt đường dò bằng dụng cụ nóng... Nếu không có hiệu quả, cần nhổ răng dù răng còn chắc.



Bệnh **kapalika (hình thành vôi răng ?)** được mô tả: ...có sự lắng đọng tinh thể, kết lại với nhau và sau đó tách ra khỏi răng, lấy đi một phần phủ của chúng, làm cho mòn răng và sau đó huỷ hoại răng. Khảo sát của Sushruta rất quan trọng vì có lẽ đây là lần đầu tiên thân răng có men phủ được lưu ý.

Y-NHA KHOA CỔ-TRUNG ĐẠI NHẬT BẢN

Y khoa Hoàng Gia Nhật Bản hình thành khoảng năm 700 TC dựa trên nền tảng y khoa Trung Quốc và Hàn Quốc. Phát triển những đặc trưng riêng khoảng năm 900

Cuối thế kỷ 7: bộ luật Taiho Ritsuryo được áp dụng để điều chỉnh tất cả lĩnh vực dân sự và hình pháp. Bộ luật gồm 17 tập, có 11 tập về những vấn đề dân sự, trong đó tập **Ishitsuyo** là luật sớm nhất của Nhật Bản về thực hành y khoa với tiền đề:

-Điều trị y khoa là trách nhiệm của chính quyền, nhà nước cung cấp nhân lực được chỉ định để giám sát thực hành y khoa và dược khoa.

-Nhà nước sát toàn bộ việc đào tạo ngành y, sinh viên được đào tạo với chi phí của nhà nước.

Chương trình học gồm bốn lĩnh vực: y học nội khoa, phẫu thuật, nhi khoa và tai-mắt-răng miệng. **Năm 1100, nha khoa** được coi là một chuyên ngành, tách khỏi hai khoa trên

Yasuyory Tambano (912 – 995) được coi là Người Cha của y khoa Nhật Bản.

Dưới thời Kamakura (1185 – 1333), **Fuyuyori Tambano** (hậu duệ của Yasuyory) trở thành một bác sĩ danh tiếng nhờ nhổ răng cho Hoàng Đế Hanazono.

Kaneyasu (con trai Fuyuyori), được coi là **nha sĩ đầu tiên** của Nhật Bản

Từ TK 17, các sản phẩm chăm sóc răng miệng được bán trên đường phố

Bàn chải răng từ cây gỗ làm tưa đầu khá phổ biến trong thời kỳ này, cán của nó được gọt thành bản mỏng để làm nạo lưỡi (tonge-scraper)

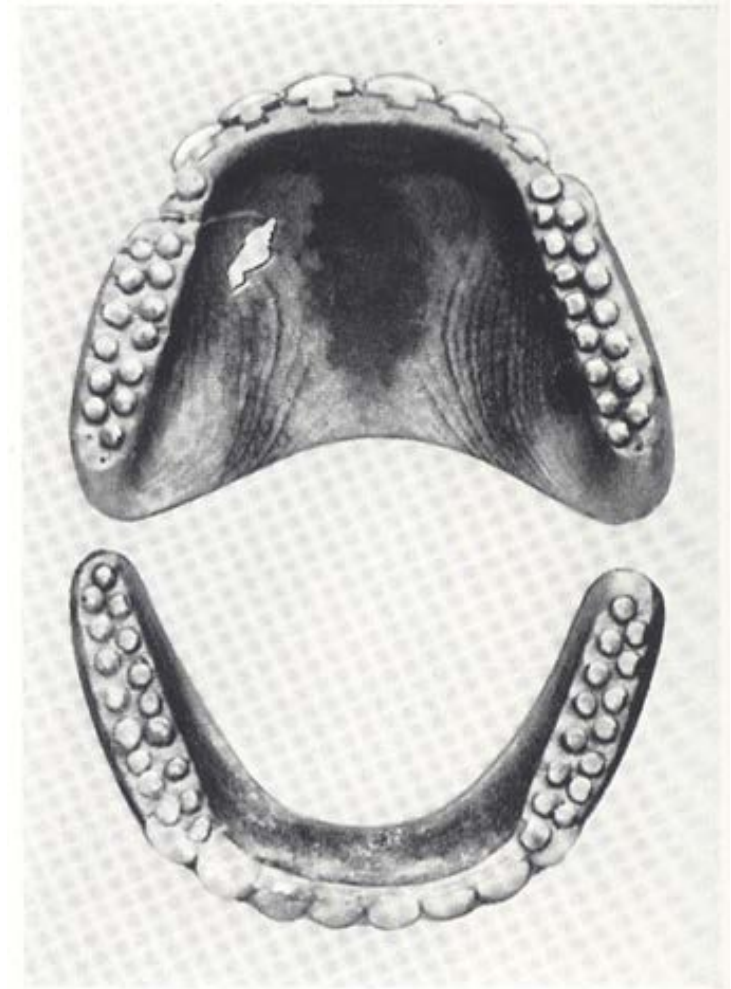
Năm 1765, một trường y khoa Trung Quốc được thành lập ở quận Fukuoka, Kanda



Chữa răng được thực hành dưới nhiều hình thức: châm, cứu với một số thay đổi so với ở Trung Quốc, đốt nhiệt, các bài thần chú, mê dụ, (việc sử dụng ma thuật (sorcery) để chuyển răng đau từ người này sang (con) vật khác (cũng khá phổ biến ở Châu Âu) ...,

Nhổ răng được thực hiện bằng tay (đến thế kỷ 19 mới sử dụng kìm).

Kỹ thuật viên răng giả và kỹ thuật thực hiện hàm giả hoàn thiện trong khoảng TK 15 -16. **Hàm giả toàn bộ** được điêu khắc từ một khối gỗ.



Figs. 34 and 35 Japanese carved wooden denture with flint teeth and nailheads as occlusal surfaces (from Homma)

Fig. 36 Radiograph of the illustration above (from Homma)

Dấu được lấy bằng sáp ong,
Tạo mẫu bằng gỗ,
Nền hàm (bằng gỗ) được điêu khắc cẩn thận cho
khá vừa với mẫu

Trên miệng bệnh nhân, dùng chất màu: đỏ
vermilion, hoặc mực tàu bôi lên niêm mạc, nơi
nền hàm in dấu được lấy bỏ dần cho khít.

Răng giả được điêu khắc bằng gỗ, hoặc dùng đinh
với các đầu đinh đóng lên làm mặt nhai;

Răng trước làm từ đá cẩm thạch (marble), xương
động vật, hoặc xà cừ (mother of pearl) (hình...).



Fig. 34

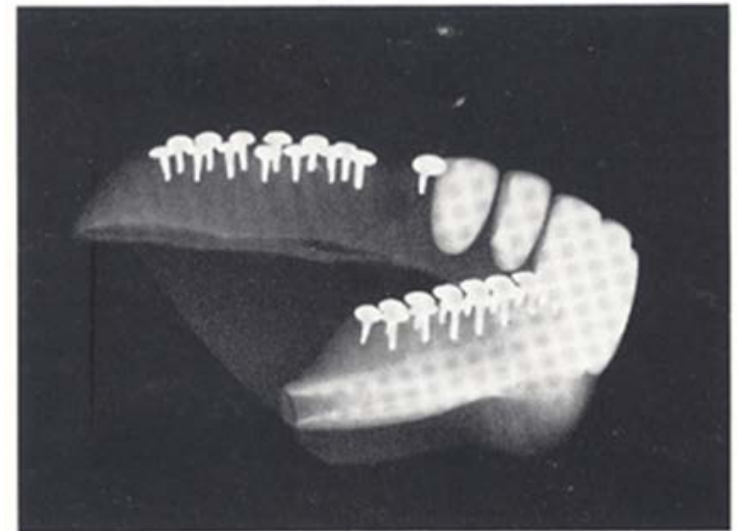


Fig. 36



Hàm răng đen (blackened teeth) là bằng chứng về một người vợ đã thề nguyện trọn đời trung thành với chồng.

Chất nhuộm chủ yếu là từ tanat sắt (ferric tannate), đưa lên răng bằng một đoạn cành cây nhỏ, người giàu dùng bàn chải làm bằng lông chim trĩ hoặc vịt Bắc Kinh. Chất nhuộm được bôi nhiều lần (thường là 7 lần) cho đến khi bám chắc và chịu được sự mài mòn



GIÁO DỤC Y-NHA KHOA THỜI TRUNG ĐẠI CHÂU ÂU

Đào tạo và Chương trình Y khoa

Sự phát triển có ý nghĩa **trong đào tạo y khoa** là việc thành lập trường y cùng cơ sở chữa bệnh ở Salerno (Ý) trong thế kỷ 10 (Schola Medica Salernitana)

Tiếp sau sự ra đời của trường y Salerno, nhiều trường y danh tiếng được thành lập ở các thành phố lớn: Bologna (1088) và Padua (1222) (Ý), Montpellier (1289) và Paris (1253?) (Pháp), thu nhận sinh viên trên khắp Châu Âu.

Học vị “Bác sĩ Y khoa” (Doctor of Medicine) lần đầu tiên được cấp ở trường Asti (Ý) năm **1329**. Ở Anh, giáo dục y khoa bắt đầu tại trường Oxford vào đầu thế kỷ 13 và tại trường Merton thế kỷ 14.

Thực hành y khoa

Bác sĩ (physicians) nắm giữ vị trí đỉnh của tháp chăm sóc sức khỏe

BS được đào tạo trong các trường đại học y khoa bằng tiếng Latin và sau khi tốt nghiệp, được quyền mặc áo thụng (academic robe)

Một số ít phẫu thuật viên theo học và tốt nghiệp chương trình y khoa trở thành chuyên viên phẫu thuật (master-surgeons) và đứng trong hàng ngũ phẫu thuật viên áo thụng (surgeons of the long robe).

Tuy vậy, **hầu hết phẫu thuật viên không qua trường lớp**, không biết tiếng Latin, gồm:

Phẫu thuật viên áo ngắn (surgeons of the short robe),

Nha viên (dentators): thợ mổ chuyên về răng

Phẫu thuật viên không qua trường lớp (lay surgeons).

Thợ mổ (barber-surgeons) giữ vị trí thấp trong hệ thống chăm sóc, được giao thực hiện các công việc nhỏ: chích máu (bloodletting), băng bó, nhổ răng (toothdrawing) và bôi thuốc. Họ thực hiện công việc tay chân mà không có cơ sở lý thuyết khoa học.

Thực hành phẫu thuật và nha khoa

Sự chia tách phẫu thuật khỏi y khoa ở Pháp thể hiện rõ khi Đại học Paris (1215) **cấm những người tốt nghiệp y khoa thực hiện phẫu thuật** vì việc này được coi là hạ thấp giá trị của bác sĩ y khoa.

Năm 1239, trường Montpellier loại bỏ phẫu thuật viên khỏi chức danh

Như vậy, các trường y đã tự **tách phần thực hành phẫu thuật khỏi nghệ thuật chữa bệnh của họ.**

Phẫu thuật (bao gồm nha khoa) vẫn còn là một nghề thủ công, đạt được bằng cách học truyền nghề.

Để đạt được sự bình đẳng với bác sĩ, điều kiện tiên quyết và ngày càng trở nên cấp bách đối với phẫu thuật viên (bao gồm nha khoa), là cần phải có **sách** và **chương trình** đào tạo trong nhà trường.

Phẫu thuật và Nha khoa ở Ý

Khởi đầu ở các trường đại học miền bắc **nước Ý trong thế kỷ 12**. Trong bối cảnh số lượng và phạm vi các mặt trận ở Châu Âu cũng như các cuộc Thập Tự Chinh (Crusades) đến vùng Đất Thánh (Holy Land) tăng lên, đòi hỏi tăng cường đội ngũ phẫu thuật viên cả về số lượng và trình độ. **Phẫu thuật viên nhanh chóng nổi trội** trong hội đồng y khoa và trong quân đội Nhà Vua.

Ở Ý, **phẫu thuật đã có trong chương trình trường y từ cuối thế kỷ 12; trong thế kỷ 13**, có những bước tiến quan trọng nhờ giải phẫu mô tả đi cùng, các trường y ở miền Bắc Ý trở lại với phẫu tích xác



LỊCH SỬ NHA KHOA

CỔ ĐẠI
(ancient history)

- AI CẬP (EGYPT)
- LƯỠNG HÀ (MESOPOTAMIA)
- ETRUSCA
- HY LẠP (GREECE)
- LA MÃ (ROMA)

CỔ-TRUNG ĐẠI
(ancient & post-classical history)

- TRUNG QUỐC
- ẤN ĐỘ (INDIA)
- NHẬT BẢN
- CHÂU MỸ TIỀN COLUMBUS
- VIỆT NAM và đông nam Á

TRUNG ĐẠI
(middle ages/medieval period)

- THẾ GIỚI HỒI GIÁO (WORLD OF ISLAM)
- CHÂU ÂU

- THỜI KỲ PHỤC HƯNG (renaissance)
- THẾ KỶ 17 - 18

-5000
CỔ ĐẠI

Y 500
TRUNG ĐẠI

TK 15 – 16
PHỤC HƯNG

TK 17 – 18
CẬN ĐẠI

TK 19

Thời đại đồng -1000

Thời đại sắt

TK Ánh sáng

PIÈRRE FAUCHARD, NGƯỜI CHA CỦA NHA KHOA HIỆN ĐẠI

Pierre Fauchard (1678 – 1761), người Pháp, tác giả cuốn “Le Chirurgien Dentiste, ou Traité des Dents” (1728) (Người Nha sĩ, hay Chuyên luận về Răng – được coi là **Người Cha của nha khoa hiện đại**).

Nha khoa thời Fauchard còn ở **tình trạng sơ khai**, không có chương trình đào tạo chính qui và chưa có điều luật chính thức để điều chỉnh

Fauchard cho rằng nha khoa cần được xem như **một nghề phải qua đào tạo**, vì vậy, ông cần sự ủng hộ của giới y khoa và phẫu thuật cho một quyển sách giáo khoa về một nghề mới, một công trình đầy đủ đầu tiên về nha khoa



LE CHIRURGIEN DENTISTE,

OU

TRAITE' DES DENTS,

OU L'ON ENSEIGNE LES MOYENS
de les entretenir propres & saines, de les em-
bellir, d'en réparer la perte & de remédier à
leurs maladies, à celles des Gencives & aux
accidens qui peuvent survenir aux autres par-
ties voisines des Dents.

Avec des Observations & des Réflexions sur
plusieurs cas singuliers.

*Ouvrage enrichi de quarante-deux Planches
en taille douce.*

Par PIERRE FAUCHARD, Chirurgien
Dentiste à Paris.

Deuxième Edition revue, corrigée & considéra-
blement augmentée.

TOME PREMIER.



A PARIS,

Chez PIERRE-JEAN MARIETTE, rue S. Jacques
aux Colonnes d'Hercule.

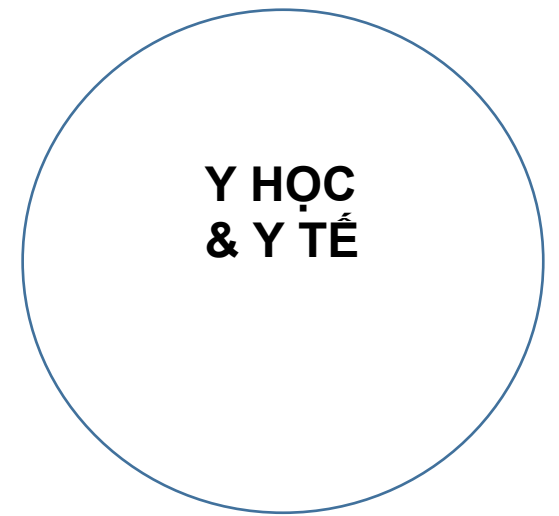
Et chez l'Auteur, rue des grands Cordeliers.

M. DCC. XLVI.

Avec Approbations & Privilège du Roi.

Năm 1719, ông định cư và mở phòng khám tại đường Fosses St. Germain (cũng còn gọi là đường Comédie Française) trong Đại học Circle, Paris với danh xưng “Phẫu thuật viên-Nha sĩ” (“**Chirurgien-Dentiste**” / **surgeon-dentist**), đây là danh xưng lần đầu tiên được sử dụng. Sau này, danh xưng DDS (**doctor of dental surgery**) được dùng trong tiếng Anh

cuốn “Le Chirurgien Dentiste”, tuy “cũng còn sót lại rải rác những mảnh (sai lầm) thời cổ đại và trung cổ” , là kết quả của quá trình học và tự học, khả năng thực hành đa lĩnh vực, uy tín chuyên môn và nhân cách cũng như cách làm việc trọng thị của Pierre Fauchard. Chính những điều đó đã làm **cuốn sách trở thành tác phẩm mở đường cho nha khoa độc lập** và tác giả nó được coi là Người Cha của nha khoa hiện đại.



CỔ ĐẠI

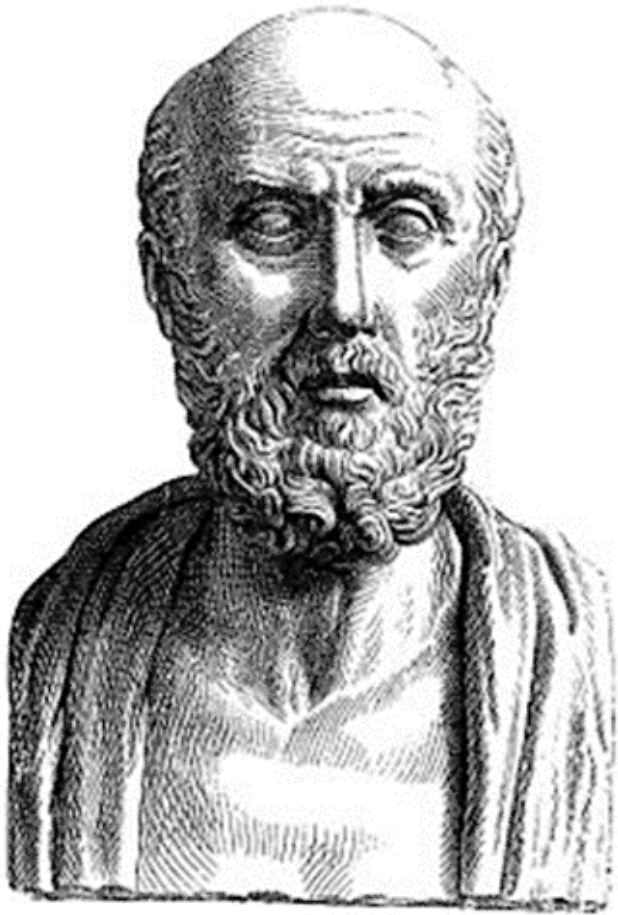
TRUNG ĐẠI

CẬN ĐẠI

HIỆN ĐẠI

NHỮNG NGƯỜI CHA CỦA ...

Y học Phương Tây



Hippocrates (460 - 370 TC)

Dược học



Pedanios Dioscorides (40 – 90 SC) [?]

THE LONG CLIMB
Barber-Surgeons to Doctors of Dental Surgery

THE LONG CLIMB

From Barber-Surgeons to
Doctors of Dental Surgery

Hành trình dài
từ Thợ hớt tóc-phẫu thuật
đến Bác sĩ Nha khoa

Philius Roy Garant, DMD

96
quintessence
books



THE EXCRUCIATING HISTORY OF DENTISTRY

LỊCH SỬ ĐAU KHỔ CỦA NHA KHOA



JAMES WYNBRANDT

Lịch sử đào tạo nha khoa Là một lịch sử đổi mới



LE CHIRURGIEN
DENTISTE,
OU
TRAITE' DES DENTS,
OU L'ON ENSEIGNE LES MOYENS
de les entretenir propres & saines, de les em-
bellir, d'en réparer la perte & de remédier à
leurs maladies, à celles des Gencives & aux
accidens qui peuvent survenir aux autres par-
ties voisines des Dents.
Avec des Observations & des Réflexions sur
plusieurs cas singuliers.
*Ouvrage enrichi de quarante-deux Planches
en taille douce.*
Par PIERRE FAUCHARD, Chirurgien
Dentiste à Paris.
*Deuxième Edition revue, corrigée & considéra-
blement augmentée.*
TOME PREMIER.
A PARIS,
Chez PIERRE-JEAN MARIETTE, rue S. Jac ques
aux Colannes d'Hercule.
Et chez l'Auteur, rue des grands Cordeliers.
M. DCC. XLVI.
Avec Approbations & Privilège du Roi.

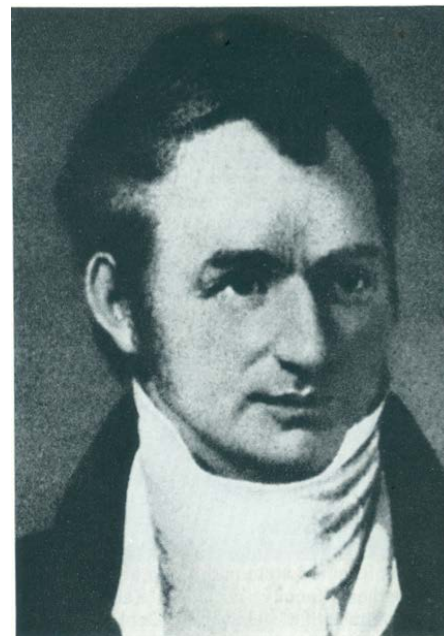
Pierre Fauchard, 1728

1867 Harvard Dental School First dental
college connected to a classic university

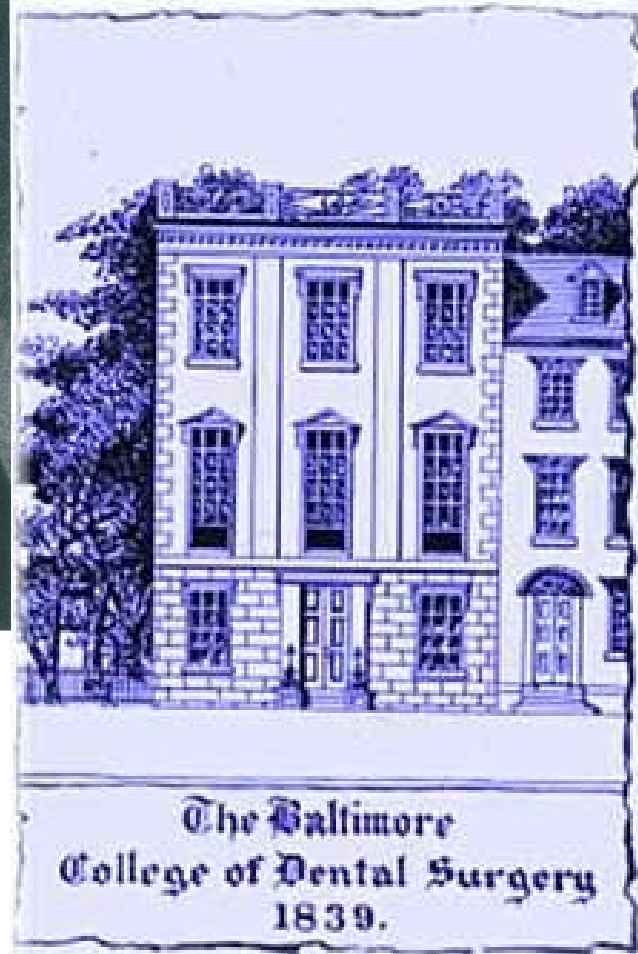
1840 Baltimore College of Dentistry First dental college



Chapin A Harris



Horace Hayden



MÔ HÌNH ĐÀO TẠO

Và MÔ HÌNH ĐÀO TẠO CỦA VIỆT NAM

Mô hình đào tạo Nha khoa

Có hai mô hình phổ biến: **Odontology/dentistry** và **Stomatology**

1- Mô hình “**Odontology**” phổ biến ở các nước **Bắc và Nam Mỹ, Bắc Âu và Tây Âu, Nhật, Ấn Độ, Úc...** Mô hình này tập trung vào dạy nha khoa và coi nha khoa như **một ngành độc lập**.

2- Mô hình “**Stomatology**” phổ biến ở các nước **Đông Âu, Trung Âu, Nam Âu, Trung Quốc...** Mô hình này coi nha khoa như **một ngành trong khoa học sức khỏe**.

điểm mạnh và điểm yếu

Mỗi mô hình trên đều có điểm mạnh và điểm yếu

Mô hình **Stomatology** nhấn mạnh đến dạy học **sức khỏe và bệnh tật toàn thân**, như vậy sự phối hợp và cộng tác giữa y khoa và nha khoa có hiệu quả.

Tuy vậy, phần giảng dạy về các **môn học và kỹ thuật nha khoa** và nha khoa công cộng bị **hạn chế**.

Mô hình **Odontology/dentistry** nhấn mạnh về bệnh lý, dự phòng và kỹ thuật điều trị **nha khoa** nhưng **điểm yếu quan trọng nhất** là có phần dễ đưa đến quan niệm **tách răng miệng khỏi phần còn lại của cơ thể**. Theo mô hình này, thời gian đào tạo phổ biến là 4 – 5 năm

Theo mô hình stomatology, Trung Quốc đào tạo 5 năm và cấp bằng Bachelor's degree in Stomatology (BDS).

Nash DA.: Why dentists should become oral physicians: a response to Dr. Donald Giddon's "Why dentists should be called oral physicians now." J Dent Educ 2006; V.70, N6: 607.

Nha sĩ hay Bác sĩ Nha Khoa/RHM?

Tương lai của nghề nghiệp đòi hỏi BS Nha khoa phải có khả năng **xử lý** những **vấn đề y khoa phức tạp** của bệnh nhân RHM lớn tuổi và trẻ em (cũng có những vấn đề y khoa nghiêm trọng đang phát sinh).

Người ta tin rằng các “**nha sĩ**” cần có **nền tảng y khoa tốt hơn**. Rõ ràng, điểm khởi đầu của **toàn cầu hóa chuẩn năng lực** đối với đào tạo nha khoa là **nhấn mạnh hơn nữa** theo hướng **stomatology**.

“Nha sĩ” sẽ phải là Bác sĩ Nha khoa/Răng Hàm Mặt!

ME. Donaldson, CC. Gadbury-Amyot, SS. Khajotia, A.Nattestad, NS. Norton, LA. Zubiaurre, SP.Turner: Dental Education in a Flat World: Advocating for Increased Global Collaboration and Standardization, Journal of Dental Education, Volume 72, Number 4: 408

Giddon DB. Should dentists become “oral physicians”? Yes, dentists should become “oral physicians.” J Am Dent Assoc 2004;135(4):438

Lược sử mô hình “Odonto-Stomatology” của Việt Nam

Miền Bắc (ĐH Y Hà Nội)	Miền Nam (ĐH Nha khoa Sài Gòn)
<p>Từ 1958 Stomatology (5 + 1) = 6</p>	<p>Từ 1963: Odontology (1 + 1,5 + 2,5) = 5</p>
<p>Từ 1970 Stomatology (4 + 2)</p>	<p>Từ 1989 Odonto-Stomatology (2,5 + 3,5)</p>
<p>Từ 2002 ~ 2012 đến nay: Odonto-Stomatology lồng ghép 3 + 3 / 2,5 + 3,5</p>	

ĐÀO TẠO RHM Ở NƯỚC TA

- Trường ĐH Y Dược Thái Nguyên '08
- Trường ĐH Y Hà Nội '58
- Trường ĐH Y Dược Hải Phòng '09
- Đại Học QG Hà Nội '17
- Trường ĐH KinhDoanh&CôngNghệ HN '18

16 cơ sở đào tạo

4 nhóm:

Có truyền thống (>50 y)

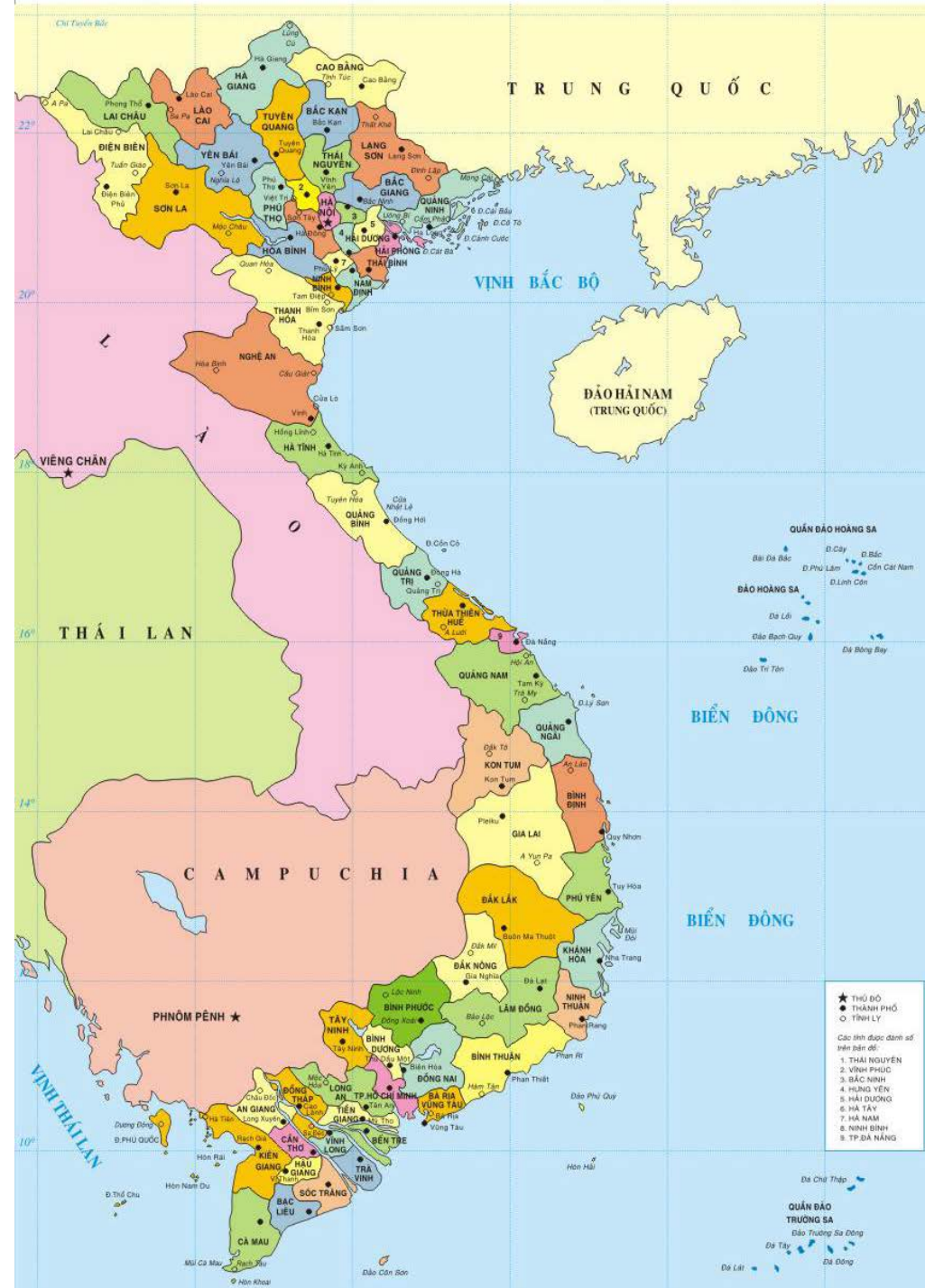
Đang định hình (>20 y)

Mới nổi (>10 y)

Mới (< 10 y)

- Trường ĐH Y Dược Huế '99
- Trường ĐH Duy Tân Đà Nẵng '18
- Đại học Đà Nẵng '19
- Trường ĐH Phan Châu Trinh (ĐN) '20
- Trường ĐH Y Dược TP. HCM '63
- Trường ĐH Y khoa Phạm Ngọc Thạch '15
- Trường ĐH Y Dược Cần Thơ '95
- Trường ĐH Trà Vinh '14
- Trường ĐH QTế Hồng Bàng '17
- Đại Học QG TP HCM '19
- Trường ĐH Văn Lang '20

Còn nữa?...



Phần thứ Hai

Đào tạo Bác sĩ Răng Hàm Mặt cho tương lai

BS RHM có tư duy phản biện

BS RHM có năng lực giải quyết các vấn đề sức khỏe RM cá nhân và cộng đồng

BS RHM là người có thói quen học tập suốt đời

Công nghệ cao trong đào tạo nha khoa

SỨ MỆNH CỦA CHÚNG TA: ĐÀO TẠO BÁC SĨ RHM CHO TƯƠNG LAI

Tương lai của nha khoa 25 năm sau như thế nào?

Một nửa kiến thức bị lạc hậu sau 5 năm

Người đào tạo là “sản phẩm” của quá khứ, phải làm gì

Sinh viên tốt nghiệp có **năng lực Bác sĩ RHM** của những năm 2040 và xa hơn.

Chúng ta không đoán được nha khoa sẽ ra sao sau 25 năm nhưng chúng ta cung cấp cho sinh viên một công cụ tốt nhất cho thành công, đó là **tư duy phản biện**

tư duy phản biện

ĐÀO TẠO BÁC SĨ RHM CHO TƯƠNG LAI

Chúng ta không đoán được nha khoa sẽ ra sao sau 25 năm nhưng chúng ta cung cấp cho sinh viên một công cụ tốt nhất cho thành công, đó là **tư duy phản biện**

Về bản chất, tư duy phản biện là **tư duy khoa học, biện chứng**

Cốt lõi của tư duy phản biện là **suy nghĩ bắt đầu bằng sự ngờ vực.**

Nghịch lý là người ta muốn người khác suy nghĩ / làm theo
chứ không phải là ngờ vực.

Sự cảm thức thì nằm trong tim; hành vi đạo đức đến từ cảm xúc hơn là từ lý lẽ

→ **Cần bắt đầu sự nghi ngờ bằng cách lịch sự nhất**





Đào tạo hướng theo năng lực ĐÀO TẠO BÁC SĨ RHM CHO TƯỞNG LAI

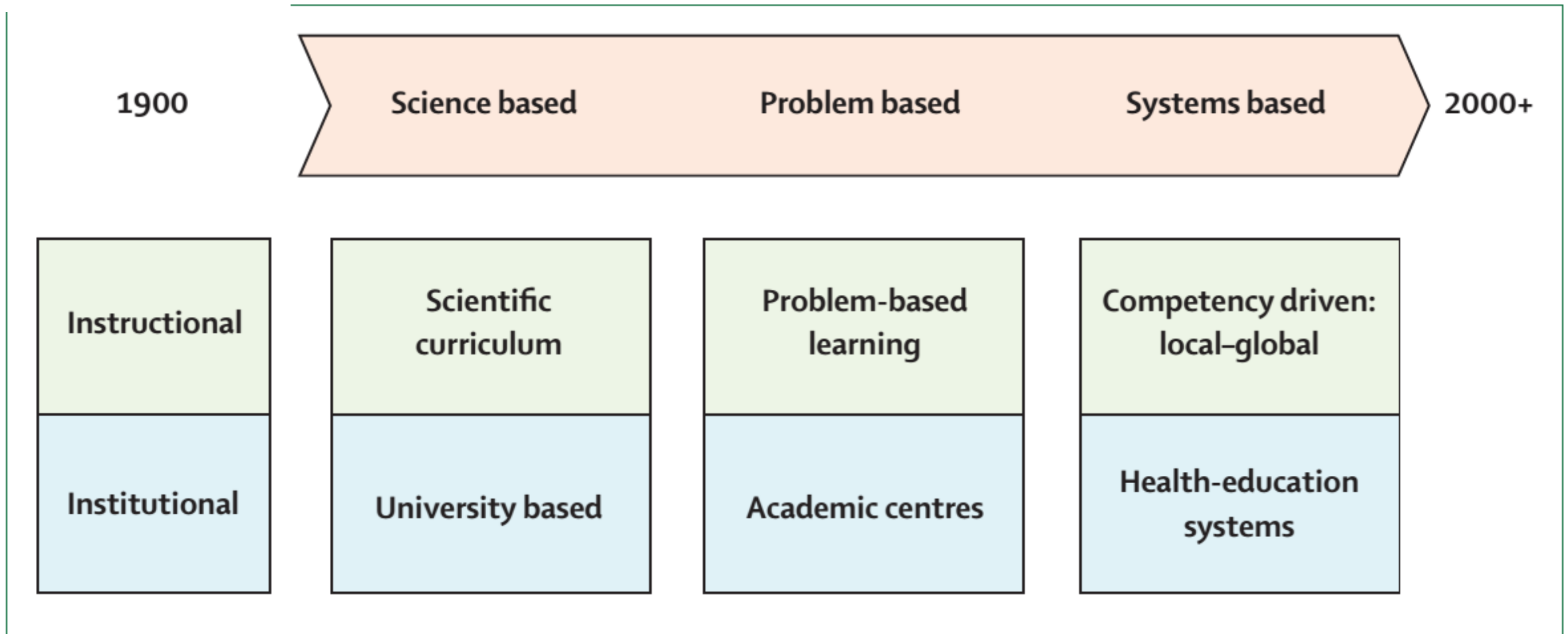


Figure 5: Three generations of reform

Sinh viên của chúng ta là tương lai của chúng ta, chúng ta có nhiệm vụ truyền cảm hứng cho vận mệnh của họ.

Các phương pháp giáo dục của chúng ta đưa họ đến bến bờ một cách an toàn đã được thử thách qua thời gian, nhưng chúng ta đã cho phép họ **đủ tự do và sáng tạo** để lái con thuyền của họ trong sự **thay đổi khí hậu của thời đại kỹ thuật số?**

(Môi trường) Học tập đê cao Công nghệ

Chúng ta **nói “Sinh viên là trung tâm”**

Giảng viên:

→ Học từ quá khứ* nhưng thực hành dạy học trong **hiện tại**

→ Bắt rễ việc học của SV hướng đến một **thân cây cứng cáp**

Sinh viên thuộc thể hệ “Net-Generation”

technology is shaping the future of education

Học tập suốt đời

ĐÀO TẠO BÁC SĨ RHM CHO TƯƠNG LAI



Available online at www.sciencedirect.com



Procedia Social and Behavioral Sciences 1 (2009) 1709–1716

Procedia
Social and Behavioral Sciences

World Conference on Educational Sciences 2009

Lifelong learning and schools in the twenty-first century

Melek Demirel*

Faculty of Education, Department of Curriculum and Instruction, Hacettepe University, Ankara, 06800, Turkey

Received October 25, 2008; revised December 19, 2008; accepted January 4, 2009

Học tập suốt đời

ĐÀO TẠO BÁC SĨ RHM CHO TƯƠNG LAI

Học tập suốt đời là quá trình liên tục, trong đó, một người giữ được và phát triển kiến thức, kỹ năng và cách hành xử. Mục đích chính của học tập suốt đời là để củng cố và nâng cao chất lượng cuộc sống vì cho phép họ nâng tiềm năng của mình lên mức tối đa*.

Học tập suốt đời là một quá trình trong đó các cá nhân duy trì sự phát triển kiến thức, kỹ năng, quan tâm đến cuộc sống và các cơ hội học tập (Richardson, 1978)*.

Học tập suốt đời có thể gồm 3 “học kỳ”:

- 1- Toàn bộ hệ thống giáo dục phải chú trọng đề cao **sinh viên suốt đời**
- 2- Các xí nghiệp, doanh nghiệp và tổ chức cần có các **tiến trình học tập suốt đời**
- 3- Mỗi người, trong phạm vi quan tâm, phải là người **tự hướng dẫn học tập**

E. Reinsch. The relationship among lifelong learning, emotional intelligence and life satisfaction for adults 55 years of age or older. Unpublished doctorate thesis (2007), University of Illinois,

*in M. Demirel: Lifelong learning and schools in the twenty-first century, Procedia Social and Behavioral Sciences 1 (2009) 1709–1716







*technology is shaping
the future of education*

ĐÀO TẠO BÁC SĨ RHM CHO TƯƠNG LAI

Công nghệ mới: AI, học máy, và phần mềm giáo dục... không chỉ thay đổi “sân chơi” của sinh viên, chúng đang thức tỉnh vai trò của giảng viên, tạo ra sự dịch chuyển triết lý trong tiếp cận giảng dạy, và tái định hình lớp học.

Công nghệ cung cấp mô hình học tập ngày càng cá nhân hóa

Ngay cả khi công nghệ được dùng ngày càng nhiều trong lớp, giáo viên vẫn sẽ rất quan trọng

Trí tuệ nhân tạo được cân bằng để giữ vai trò tích hợp

Công nghệ mới trong nhà trường ĐÀO TẠO BÁC SĨ RHM CHO TƯỞNG LAI

Implementation of New Technologies
in U.S. Dental School Curricula

Đưa công nghệ mới vào chương trình
Đào tạo nha khoa ở Hoa Kỳ

Gửi 19 câu hỏi khảo sát đến 62 trường về tình hình kết hợp công nghệ mới
33 trường trả lời

Cao nhất là ở khu vực biểu diễn tiền lâm sàng: X quang kỹ thuật số và
máy quay dụng cụ nội nha

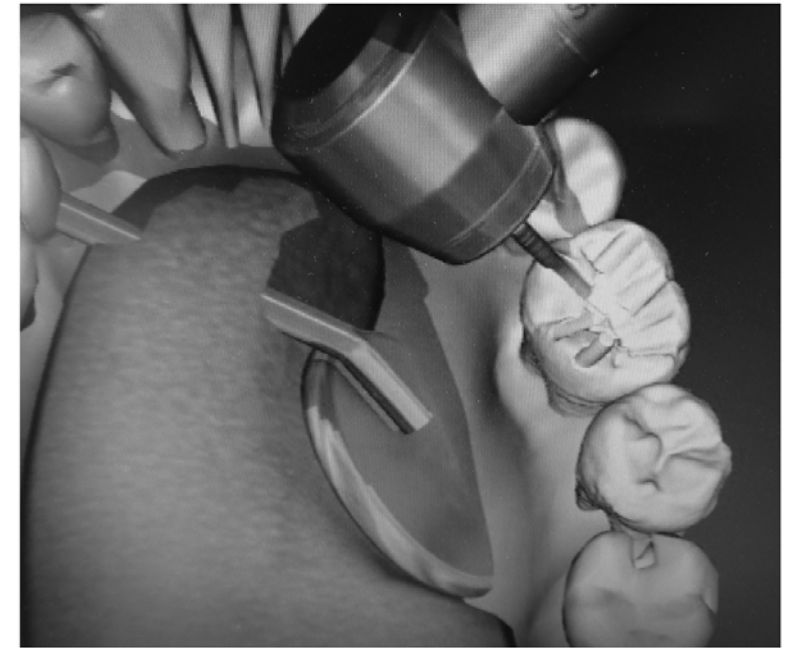
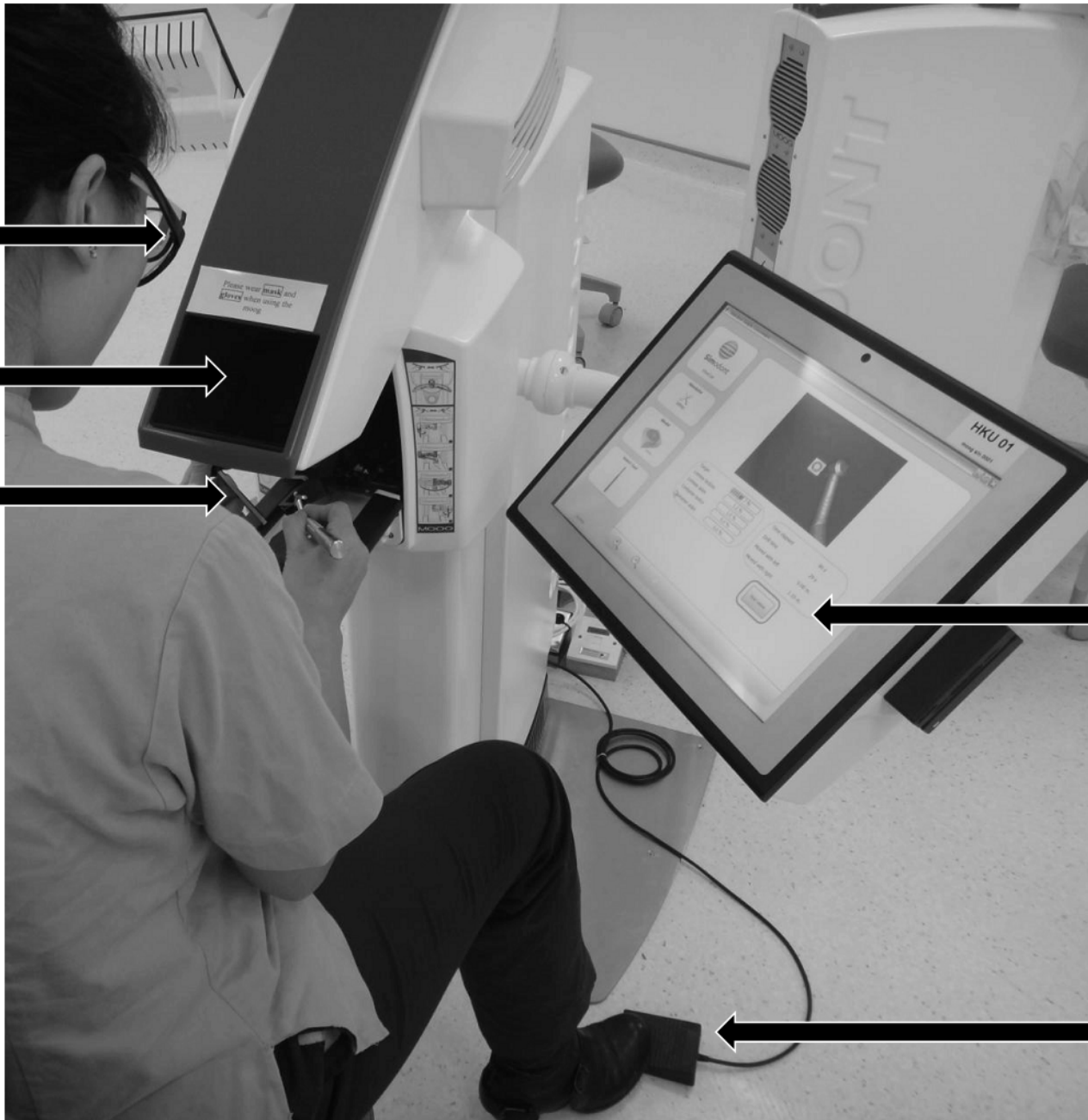
Thấp nhất là CAD/CAM để làm phục hình và Laser cho mô cứng

→ Các công nghệ cao được trang bị theo xu hướng đã được chấp nhận rộng rãi ở các
cơ sở tư nhân

3D Glasses

3D Viewing screen

Input devices

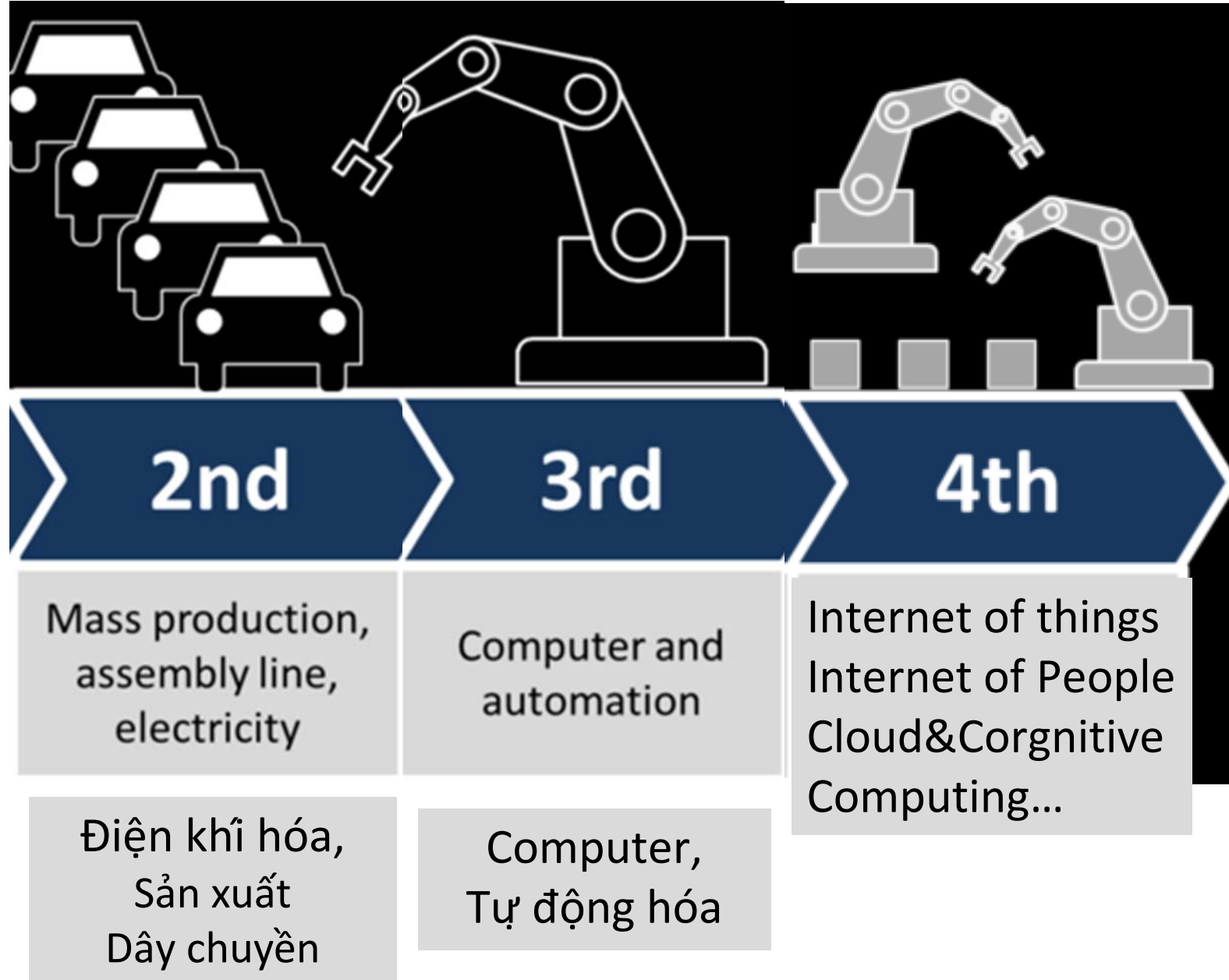


Interactive display

Foot Pedal

Simodont VR haptic units in use at the University of Hong Kong

CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP



TỔ 7

SHIP OF KNOWLEDGE

BỆNH KHÔNG LÂY TRUYỀN

1. Cúc Anh
2. Nhật Anh
3. Minh Hiền
4. Hoàng Mi
5. Quỳnh Nhi
6. Quốc Minh
7. Hạnh Tiên
8. Trúc Vy
9. Duy Khang
10. Ái Linh
11. Nguyễn Minh
12. Khoa Nguyễn
13. Lê Văn Đức
14. Nguyễn Văn Khoa
15. Nguyễn Văn Khoa
16.



Lược sử mô hình “Odonto-Stomatology” của Việt Nam

Miền Bắc (ĐH Y Hà Nội)	Miền Nam (ĐH Nha khoa Sài Gòn)
Từ 1958 Stomatology (5 + 1) = 6	Từ 1963: Odontology (1 + 1,5 + 2,5) = 5
Từ 1970 Stomatology (4 + 2)	Từ 1989 Odonto-Stomatology (2,5 + 3,5)
<p>Từ 2002 ~ 2012 đến nay: Odonto-Stomatology lồng ghép 3 + 3 / 2,5 + 3,5</p>	

Lược sử mô hình “Odonto-Stomatology” của Việt Nam

Miền Bắc (ĐH Y Hà Nội)	Miền Nam (ĐH Nha khoa Sài Gòn)
Từ 1958 Stomatology (5 + 1) = 6	Từ 1963: Odontology (1 + 1,5 + 2,5) = 5
Từ 1970 Stomatology (4 + 2)	Từ 1989 Odonto-Stomatology (2,5 + 3,5)
Từ 2002 ~ 2012 đến nay: Odonto-Stomatology lồng ghép 3 + 3 / 2,5 + 3,5	



HÃY TÍCH CỰC



NGAY TỪ BÂY GIỜ!

Cảm ƠN sự theo dõi của
Quý vị và các bạn